

BIẾN ĐỔI TRONG NGHI LỄ HÔN NHÂN Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM

(Qua nghiên cứu tại ba tỉnh Yên Bái, Thừa Thiên - Huế và Tiền Giang) *

TRINH THỊ LAN

1. Đặt vấn đề

Hôn nhân là một hiện tượng xã hội. □ mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử có một hình thức hôn nhân phù hợp. Nh- F. Angghen đã viết: “Có ba hình thức hôn nhân chính về đại thể t-ong ứng với ba giai đoạn phát triển chính của nhân loại. □ thời đại mông muội có chế độ quần hôn; ở thời đại dã man có chế độ hôn nhân đối ngẫu; ở thời đại văn minh có chế độ hôn nhân một vợ - một chồng đ-ợc bổ sung bằng tệ ngoại tình và nạn mai dâm” (Angghen, 1972, tr. 118 - 119). Hình thức hôn nhân đ-ợc gắn liền với các nghi lễ và phong tục tập quán của từng dân tộc và đồng thời chịu sự tác động của những tộc ng-ời xung quanh.

Hôn nhân là một đề tài thu hút đ-ợc sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, ở n-ớc ta, vấn đề này đ-ợc nghiên cứu chủ yếu ở ng-ời Kinh. Điển hình có các nhà nghiên cứu xã hội học nh- : Vũ Tuấn Huy (1988), Mai Văn Hai (2003), Trần Đình H-ợu (1991), Nguyễn Hữu Minh (2001)... Các nghiên cứu đã đi sâu tìm hiểu về những nghi lễ trong hôn nhân truyền thống; sự ảnh h-ởng của Nho giáo tới mối quan hệ họ hàng; các vấn đề về tuổi kết hôn; tình trạng ly hôn; tình trạng sống thử tr-ớc hôn nhân... Ngoài ra, một số nhà Dân tộc học cũng tập trung nghiên cứu về hôn nhân và gia đình của các dân tộc thiểu số nh- : Vũ Đình Lợi (1994), Phạm Quang Hoan (1988), Đỗ Thuý Bình (1994), Đỗ Ngọc Tấn (2004), Nguyễn

Ngọc Thanh (2005)... Những nghiên cứu của các tác giả đã đi sâu tìm hiểu các vấn đề hôn nhân truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên, nhóm Tày - Nùng - Thái, M-ờng, Hmông..., trong bối cảnh quan hệ với gia đình, dòng họ của các dân tộc trong quá trình phát triển xã hội.

Những biến đổi nhanh chóng của xã hội trên nhiều lĩnh vực, nhất là kinh tế và xã hội, đã tác động mạnh mẽ đến hôn nhân và gia đình nông thôn Việt Nam, trong đó có những nghi lễ, phong tục tập quán trong hôn nhân. Bài viết này đề cập đến những biến đổi trong nghi lễ hôn nhân nông thôn Việt Nam qua kết quả nghiên cứu ba điểm của ba tỉnh Yên Bái, Thừa Thiên - Huế và Tiền Giang.

2. Quan niệm về hôn nhân và tiêu chuẩn lựa chọn trong hôn nhân

Hôn nhân mang một ý nghĩa thiêng liêng, gắn liền với đời sống văn hoá vật chất và tinh thần của mỗi ng-ời dân. Bởi vậy, việc dựng vợ gả chồng cho con cái là vấn đề tất yếu và luôn đ-ợc chú trọng. Đồng bào cho rằng: cha mẹ không những nuôi con cái tr-ởng thành mà còn phải có nghĩa vụ lo dựng vợ gả chồng cho chúng. Theo quan niệm của ng-ời dân lấy dâu, lấy vợ cho con trai là nhằm sinh con đẻ cái để có ng-ời nối dõi tông đ-ờng và kế thừa tài sản của gia đình. Mặt khác, bố mẹ c-ới vợ cho con trai là nhằm có ng-ời phụng d-ỡng khi tuổi già sức yếu và để có thêm nhân lực lao động cho gia đình. Hôn nhân là thể hiện hạnh phúc

* Bài viết trong khuôn khổ dự án SIDA/SAREC, hợp tác Việt Nam-Thụy Điển.

của đôi trai gái và chính là niềm hãnh diện của gia đình đối với họ hàng, làng xóm. Còn đối với xã hội, hôn nhân là sự công nhận những đôi trai gái thực sự trở thành vợ chồng. Hôn nhân truyền thống của các dân tộc thiểu số ở phía Bắc cho dù ở hình thức nào đi chăng nữa cũng mang nặng tính chất mua bán thông qua sự thoả thuận giữa hai bên về số l-ợng và giá trị những lễ vật mà nhà trai phải mang sang nhà gái.

Một cuộc hôn nhân đúng nghĩa là giữa ng-ời con trai ch- a vợ và cô gái ch- a chồng. Một cuộc hôn nhân tốt là một cuộc hôn nhân đ-ợc cha mẹ hai bên chấp thuận, trai gái cùng đồng ý, không vi phạm luật tục và kiêng kỵ của dòng họ, dân tộc.

Từ những quan niệm trên, tiêu chuẩn để chọn vợ, kén chồng cho con cái là không thể thiếu đ-ợc trong một cuộc hôn nhân. Khi bố mẹ chọn vợ cho con trai th-ờng để ý đến những gia đình môn đăng hộ đối, có uy tín trong cộng đồng và bản thân cô gái cũng đã tr-ởng thành để biết cách ứng xử với mọi ng-ời; trong đó, ng-ời dân quan tâm nhất đến sức khoẻ và khả năng sinh đẻ, rồi mới đến sắc đẹp (Trần Ngọc Thêm, 1999, tr. 143 - 144). Còn đối với những chàng rể t-ơng lai, nhà gái th-ờng tìm hiểu t- cách đạo đức, lối sống, sức khoẻ, điều kiện kinh tế và địa vị xã hội. Nh- vậy, trong bất kỳ hoàn cảnh và thời điểm nào, tiêu chuẩn chọn vợ, chọn chồng cho con cái của các gia đình về cơ bản t-ơng đối giống nhau, trong đó yếu tố sức khoẻ, biết cách làm ăn, t- cách đạo đức tốt luôn đ-ợc đặt lên hàng đầu.

3. Các hình thức tìm hiểu

Quá trình tìm hiểu là b-ớc đầu tiên để tiến tới hôn nhân. Việc dựng vợ, gả chồng cho con cái ở phần lớn các dân tộc đ-ợc coi

là trách nhiệm của bố mẹ và một phần của họ hàng. Hình thức tìm hiểu cũng có nhiều cách khác nhau, có thể do bố mẹ tìm hiểu cho con cái, hay qua ng-ời làm mối hoặc đôi trai gái tự tìm hiểu nhau.

Hình thức bố mẹ tìm hiểu cho con cái khá phổ biến tr-ớc đây. Khi con cái bắt đầu đến tuổi tr-ởng thành, bố mẹ th-ờng chủ động đi tìm vợ cho con bằng cách này hay cách khác, nh- thông qua anh em họ hàng giới thiệu và bố mẹ dò hỏi hàng xóm để xem ng-ời con gái ấy có thể đảm đang đ-ợc những công việc của gia đình mình không, tính nết thế nào, gia đình cô ra sao... Sau đó, họ nhờ ông/bà mối đến nhà cô gái trình bày ý định thông gia. Nếu bố mẹ cô gái đồng ý, họ sẽ thông báo cho con gái mình biết. Điển hình cho hình thức tìm hiểu này là những cuộc hôn nhân từ những năm 80 trở về tr-ớc, mà dân gian vẫn gọi là hôn nhân “*cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy*”. Ông Trần Rẫy, 53 tuổi, ở Phú Vang, Thừa Thiên - Huế cho biết: “Thời x- a nói chung là không có tình yêu. Ví nh- trong nhà có con gái, mình là con trai muốn hỏi họ, dẫn mai mối đến nhà hỏi, xong là về luôn”. Ông Trần Văn Đã, 60 tuổi, ở Phú Vang cũng nói: “Hồi x- a quyền cha mẹ, bây giờ quyền con, x- a cỡ nh- tui là quyền cha mẹ thôi, để đâu ngồi đó. Còn chừ, theo con hết, nó chịu thì nó vô, không thì không nói đ-ợc”.

Cùng với thời gian, tâm lý “ta về ta tắm ao ta” đang dần dần phai nhạt, nhất là từ thời kỳ Đổi mới, tình hình đã khác đi rất nhiều. Ngày nay, do có sự biến đổi về kinh tế - văn hoá - xã hội, lớp trẻ đã v-ợt ra khỏi phạm vi làng xã của mình để làm ăn, học tập. Đây chính là môi tr-ờng thuận lợi để nam nữ thanh niên có điều kiện tìm hiểu, yêu th-ơng nhau, rồi đi đến hôn nhân. Một hiệu tr-ởng

tr- ờng THCS ở Cát Thịnh, Yên Bái cho biết: Trong quá trình sản xuất, trong công tác trai gái tìm hiểu rồi đến với nhau.

Sự mở rộng nghề nghiệp ra ngoài phạm vi nông nghiệp, làm phong phú thêm phạm vi giao tiếp, tạo nhiều cơ hội tiếp cận thông tin và ý t- ờng mới, nhấn mạnh quyền tự lựa chọn bạn đời của các cá nhân. Anh L- ơng Đức Hải, ở Cát Thịnh cho biết: “Con cái tự tìm hiểu rồi báo cáo bố mẹ. Bố mẹ đi ăn hỏi rồi tổ chức đám c- ới cho con thôi. Tr- ớc đây thì cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy, bây giờ bố mẹ tôn trọng ý kiến của con cái”.

Nh- vậy, việc quyết định trong hôn nhân đã có sự thay đổi căn bản. Nếu nh- tr- ớc đây hiện t- ợng cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy khá phổ biến thì ngày nay hiện t- ợng này hầu nh- không còn nữa; thay vào đó, đa phần hôn nhân dựa trên sự thống nhất giữa cha mẹ và con cái. Với sự phát triển của xã hội, nam nữ thanh niên có môi tr- ờng và điều kiện mới thuận lợi để tiếp xúc và tìm hiểu nhau nhiều hơn tr- ớc. Thông qua môi tr- ờng học tập, làm việc, tham gia sinh hoạt đoàn thể, nam nữ thanh niên tự do tìm hiểu để lựa chọn bạn đời của mình.

4. Các nghi lễ và tập quán trong hôn nhân và những biến đổi của chúng trong thời kỳ Đổi mới

Trong hôn nhân th- ờng phải trải qua nhiều lễ thức và tập tục khác nhau. Đối với ng- ời Kinh, quá trình hôn lễ phải trải qua 6 b- ớc, gọi là “lục lễ”. Các cụ ngày x- a có câu “lục lễ bất tri, trinh nữ bất hành”. Nh- ng trên thực tế mô hình “lục lễ” không đ- ợc áp dụng triệt để mà tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể ng- ời ta phải giảm bớt cho thích hợp, đỡ tốn kém. Tuy vậy, ba nghi thức chính là lễ dạm ngõ, lễ ăn hỏi và lễ c- ới luôn đ- ợc thực hiện đầy đủ, gọi là mô hình tam lễ.

4.1. Dạm ngõ

Đây là thủ tục đầu tiên và quan trọng trong tục lệ c- ới xin. Đối với ng- ời Kinh, sau khi hai bên gia đình đã thoả thuận đ- ợc việc c- ới gả thì sẽ hẹn ngày để đem lễ vật đến nhà gái xin đính - ớc. Khi đã chọn đ- ợc ngày lành tháng tốt, gia đình nhà trai sắm lễ báo với tổ tiên và sửa lễ sang nhà gái. X- a kia, lễ gồm một coi trâu cánh ph- ụng, cau cánh tiên, mứt sen, chè lạng. Phần lễ này đ- ợc nhà gái đặt lên bàn thờ để cúng gia tiên (Quỳnh Trang, 2002, tr. 59 - 60). Ngày nay, lễ dạm ngõ đã khác tr- ớc và đ- ợc tổ chức đơn giản nh- một buổi thăm hỏi giữa hai bên gia đình để bàn bạc thống nhất chọn ngày tiến hành lễ ăn hỏi và ngày c- ới cho các con. Lễ vật cũng không cầu kỳ, chủ yếu là hoa quả, bánh kẹo và thuốc lá làm quà cho câu chuyện trong chuyến thăm hỏi. Hiện nay, một số gia đình không còn thực hiện lễ dạm này nữa, nhất là những gia đình ở xa, đi lại khó khăn. Chị Nguyễn Thị Xuân, 48 tuổi, ở Phú Vang cho biết: Ngày trước, mới đầu thì coi trâu, rồi đến lễ dạm, hỏi, rồi thì cưới. Giờ thì dạm hỏi cũng có nhưng không phải nhà nào cũng trải qua lễ này.

Đối với các dân tộc thiểu số, lễ dạm ngõ là ngày hai bên gia đình gặp nhau. Trong dịp này, nhà trai sẽ xin thông tin về ngày, tháng, năm sinh của cô gái để xem liệu đôi trai gái đó có hợp nhau không. Cuộc hôn nhân của đôi trai gái có đ- ợc tiến hành hay không còn phụ thuộc vào kết quả của việc xem tuổi kia. Chị L- ơng Thị Hiền, ở Cát Thịnh cho biết: Nếu xem ngày tháng năm sinh của ng- ời con gái và ng- ời con trai mà thấy tuổi hợp nhau, không xung khắc thì mới đặt trâu cau rồi thực hiện b- ớc hỏi. Nếu thấy hai tuổi đó xung khắc thì sẽ báo lại nhà gái là không hợp. Còn với dân

tộc Nùng, lễ dạm ngõ chỉ đ- ợc tiến hành sau khi ng- ời mẹ của chàng trai đã đi so tuổi và thấy hợp với con mình.

Ngày nay, do giao l- u văn hoá và lối sống cũng nh- do c- trú xen kẽ nên việc kết hôn giữa các dân tộc đang trở nên khá phổ biến. Theo số liệu điều tra tại Yên Bái, có 39% các cuộc hôn nhân diễn ra giữa những ng- ời khác tộc. Vì thế, nhiều phong tục, nghi lễ truyền thống cũng đ- ợc đơn giản hoá hay bỏ qua cho phù hợp với hai gia đình thông gia.

4.2. Lễ ăn hỏi

Đây là lễ thức khá quan trọng, mang tính chất chính thức tr- ớc khi c- ới. Sau khi thực hiện lễ này, đa số các dân tộc đã coi đây là nghi thức công nhận đôi trai gái đã là vợ chồng. Nhà trai chọn ngày lành tháng tốt để bố hay mẹ và anh em họ hàng đại diện cho nhà trai mang lễ vật sang nhà gái. Lễ vật gồm có xôi, thịt lợn, trâu cau, r- ợu chè, thuốc, mứt bánh...

Ngày nay do điều kiện kinh tế, xã hội có nhiều thay đổi nên lễ vật trong đám hỏi cũng đã biến đổi theo. Lễ hỏi không còn có xôi, thịt lợn nữa mà thay vào đó là một khoản tiền mặt, gọi là “*lễ đen*” để nhà gái sử dụng vào việc mua sắm lễ vật cúng gia tiên. Giá trị của “*lễ đen*” phụ thuộc vào sự bàn định của hai nhà, hoặc nhà gái cho phép nhà trai quyết định. Những lễ vật truyền thống nh- trâu cau, r- ợu, thuốc lá, chè sen, bánh mứt đ- ợc đặt trong các tráp đỏ. □ nhiều nơi còn có thêm một giỏ hoa quả đ- ợc trang trí rất cầu kỳ và đẹp mắt. Thông th- ờng, mỗi lễ đ- ợc dựng thành hình tháp để trong tráp đỏ, có gắn giấy bạc trang kim cắt hình chữ hỷ dán lên trên.

Tr- ớc kia, ở miền Nam th- ờng có tục nhà trai trình tr- ớc hai họ những món quà sính lễ là đồ trang sức có giá trị nh- nhẫn, bông tai, vòng... ngay trong ngày ăn hỏi để đ- ợc nhà gái chấp nhận và - ng thuận sự hứa hôn. Nh- ng ngày nay, những món quà này th- ờng đ- ợc trao cho cô dâu trong ngày c- ới. Điều này đ- ợc ông Mai Bá Kiệt, 65 tuổi giải thích: “Bây giờ mình kinh nghiệm đây mình không trao nữ trang trước, chỉ cho tiền may áo chi đó, còn nữ trang thì đến ngày thành hôn thì trao luôn, trao quà luôn... Vì có tệ nạn như thế này này, ngày mai cưới, hôm ni cô dâu đi với tình nhân bỏ đi, cho nên nữ trang họ không trao trước, sợ mất...”.

Đối với các dân tộc thiểu số phía Bắc, lễ ăn hỏi cũng là dịp để gia đình nhà trai và nhà gái bàn bạc thống nhất với nhau những lễ vật và số tiền nhà trai mang sang nhà gái cũng nh- cách thức tổ chức đám c- ới. Ngày nay, do quá trình c- trú xen kẽ, giữa các dân tộc th- ờng diễn ra các cuộc hôn nhân hỗn hợp. Để phù hợp với tập quán và đặc tr- ng văn hoá của từng dân tộc, một số thủ tục mang nặng tính lễ nghi đã đ- ợc giản l- ợc hay bỏ đi. Chẳng hạn, lễ vật thách c- ới, bạc nén, thịt lợn, r- ợu... đ- ợc quy đổi thành tiền mặt do hai bên thoả thuận hay tùy tâm và điều kiện kinh tế của nhà trai. Anh L- ơng Đức Hải, ở Văn Chấn cho biết: “Tr- ớc đây, nhà trai cử một đoàn sang nhà gái khoảng một chục ng- ời đem theo các thứ sau: gạo, thịt, r- ợu... sang phục vụ; nhà gái chỉ việc ngồi ăn... Nh- ng bọn em thì cải tiến. Nếu ở xa thì đem tiền đến rồi nhà trai, nhà gái cùng làm, rồi đón dâu về. Tr- ớc kia, con gái c- ới còn có tiền bằng bạc. Nay chỉ dùng tiền giấy thôi”. Nh- vậy, tính chất mua bán trong hôn nhân của các dân tộc thiểu số tuy vẫn còn

nh- ng cũng đã giảm đi rất nhiều. Đây cũng là một xu h- ớng phát triển phù hợp với sự phát triển chung của xã hội.

Dạ- ng và ăn hỏi đ- ợc coi là những b- ớc quan trọng của một đám c- ới. Nh- ng ngày nay do điều kiện cách xa nhau về địa lý hay vì một lý do nào đó mà gia đình nhà gái thông cảm, đã bỏ qua hoặc cho phép kết hợp hai lễ này thành một lễ. Gọi là mô hình tam lễ rút gọn (Mai Văn Hai, 2003, tr. 31 - 33).

Nh- vậy, từ mô hình lục lễ thành tam lễ, và nay có thể nhiều nhà còn rút lại còn hai lễ, trong đó lễ dạ- ng và ăn hỏi đ- ợc dồn làm một và lễ c- ới. Chị Võ Thị Kết, ở Ph- ớc Thạnh, Tiền Giang cho biết: “Tuỳ theo nhà, có nhà thì đòi làm đám hỏi, có nhà *ché* (bỏ qua) đám hỏi rồi đến đám c- ới luôn...”.

4.3. Lễ c- ới

Kể từ ngày tổ chức lễ ăn hỏi, hai bên gia đình đã trở thành thông gia, thân thiết và th- ờng xuyên qua lại thăm hỏi lẫn nhau. Các cô dâu, chú rể t- ơng lai đã đ- ợc phép đến làm lụng và ăn uống ở nhà của nhau. X- a kia, sau lễ ăn hỏi tận một năm, họ mới đ- ợc tổ chức lễ c- ới. Nh- ng ngày nay thời gian này th- ờng rất ngắn; có khi sau lễ hỏi một tháng hay một tuần, họ tổ chức đám c- ới. Ông Nguyễn Văn Dân, ở Ph- ớc Thạnh cho biết: “Ngày x- a thì hỏi từ đầu năm đến cuối năm cơ. Nh- ng bây giờ thì tuỳ theo. Giả sử bây giờ ng- ời ta hỏi gấp thì có khi một tuần sau ng- ời ta đã tổ chức rồi”.

Tr- ớc kia, do phạm vi kết hôn hẹp, th- ờng trong giới hạn làng xã, nên việc xin dâu từ nhà gái sang nhà trai th- ờng đ- ợc tiến hành trong một ngày. Tuy nhiên, tr- ớc ngày đón dâu khoảng 2 đến 3 ngày, công việc chuẩn bị cho đám c- ới đã đ- ợc thực hiện.

Anh em họ hàng tập trung giúp đỡ nhau làm cỗ c- ới, dựng hội tr- ờng, m- ợn bàn ghế, giết mổ gia súc, gia cầm và đi mời khách tới dự đám c- ới. Tr- ớc giờ đoàn nhà trai xuất hành đi đón dâu, nhà trai cử một đại diện mang một coi trâu và một chai r- ợu đến nhà gái xin dâu. Cô dâu, chú rể làm lễ cúng gia tiên. Vào đúng giờ tốt đã chọn, đại diện nhà trai xin đ- ợc đón dâu về. Ngày x- a, còn có tục khi dâu về đến ngõ thì nhà trai sẽ đốt pháo chào đón. Từ khi nhà n- ớc ta cấm sử dụng pháo nổ, một số nơi thay bằng những cây pháo giấy.

Ngày nay, do điều kiện kinh tế, xã hội phát triển nên trong đám c- ới đã có nhiều thay đổi. Nhiều đám c- ới đ- ợc tổ chức tại nhà hàng; do đó, không còn cảnh tổ chức ăn uống, nấu n- ớng tại nhà nữa. Những đôi bạn trẻ cùng đi làm ăn xa quê th- ờng tổ chức c- ới tại những địa điểm gần nơi công tác để tiện cho việc mời bạn bè, đồng nghiệp tham dự; sau đó mới cùng nhau về quê để “*báo hỷ*”.

Đối với các dân tộc ở Yên Bái ta cũng thấy có sự thay đổi rõ rệt. Tr- ớc kia, từ ăn hỏi đến tổ chức đám c- ới là cả một quá trình dài, vì theo phong tục của một số dân tộc, chàng trai phải ở rể cho nhà gái trong một thời gian, có thể vài tháng đến vài năm. Ngày nay, chàng trai không nhất thiết phải ở rể hết thời gian quy định, nh- ng hai bên gia đình phải thoả thuận với nhau và bù đắp cho nhà gái thời gian đó bằng tiền mặt hoặc hiện vật. Tình trạng hôn nhân hỗn hợp giữa các dân tộc cũng tạo nên những thay đổi cơ bản, nhất là những cặp kết hôn giữa các dân tộc thiểu số với ng- ời Kinh. Theo anh L- ơng Trung Quy ở Văn Chấn, Yên Bái, tr- ớc đây thì khác nhiều so với hiện nay, vì phải cúng

bái tổ tiên, còn bây giờ thì tùy từng nhà... Nếu dân tộc thiểu số lấy dân tộc thiểu số thì tùy theo phong tục của dân tộc đó. Còn dân tộc thiểu số lấy ng-ời Kinh thì theo tập quán của ng-ời Kinh; họ cũng thuê váy, comple. Nhiều khi, họ cũng thấy mất bản sắc dân tộc nh-ng cũng phải hoà đồng giữa các dân tộc với nhau...

Một sự thay đổi dễ nhận thấy trong đám c-ới ngày nay: đó là quà mừng trong lễ c-ới. Ngày x- a, quà mừng chủ yếu là những tặng phẩm nh- : phích n-ớc, ấm chén, bát, xô chậu... Quà th-ờng đ-ợc gói trong các hộp giấy màu để tặng cho cô dâu, chú rể trong lễ c-ới. Nh-ng ngày nay, hầu hết các đám c-ới đều đ-ợc mừng bằng tiền mặt. Chị L-ong Thị Hiền ở Cát Thịnh kể cho chúng tôi: “Nh- đời tôi trở về tr-ớc là không có mừng tiền đâu...Ng-ời ta đến dự, nếu mà ai biết thì tặng b-u phẩm, một chiếc khăn chằng hạn gói vào cái giấy, thậm chí có ng-ời đến ăn mà không tặng cô dâu, chú rể cái gì... Bây giờ thì cũng tốn kém. Ai đi thì cũng phải có phong bì”.

4.4. Tục lại mặt

Tục lại mặt th-ờng đ-ợc tiến hành vào sáng hôm sau ngày c-ới hoặc có khi sau đó 2 đến 3 ngày. Cách thực hiện lễ lại mặt của mỗi vùng, mỗi dân tộc cũng có sự khác nhau. Đối với ng-ời Kinh, đôi vợ chồng trẻ trở về nhà gái mang theo lễ vật để tạ gia tiên. Lễ vật th-ờng gồm trầu cau, r-ợu, bánh kẹo..., đôi khi lại có thêm gà và xôi. Hôm đó, bố mẹ vợ sẽ làm một mâm cơm để dâu rể cùng ăn. Ngày nay, do điều kiện công tác, đôi khi cặp vợ chồng trẻ tổ chức đám c-ới ở xa quê nên không có điều kiện để thực hiện tục lại mặt này. Trong khi đó, những đôi vợ

chồng trẻ ở gần vẫn thực hiện lễ này, nh-ng họ chỉ mang theo một số đồ lễ đơn giản gồm bánh kẹo, hoa quả để thắp h-ơng gia tiên.

Đối với các dân tộc thiểu số, tục lại mặt cũng có nhiều điểm khác nhau. □ một số dân tộc, chỉ có cô dâu trở về. Một số khác thì cả dâu và rể cùng trở về lại mặt với bố mẹ chồng. Số khác lại chỉ có chú rể đi cùng các phù rể trở về trong khi cô dâu vẫn ở lại nhà chồng. Các đồ lễ mang sang nhà bố mẹ vợ để lại mặt cũng đ-ợc giản l-ợc rất nhiều.

4.5. C-ới lại

C-ới lại là hiện t-ợng mới xuất hiện trong những năm gần đây, khi điều kiện kinh tế của các cặp vợ chồng đã đ-ợc cải thiện nhiều. Đây chính là dịp để các cặp vợ chồng tổ chức kỷ niệm ngày c-ới nhằm nhớ lại ngày trọng đại nhất của đời mình và cũng khẳng định sự gắn bó cùng nhau v-ợt qua những khó khăn trong cuộc sống. Hiện nay, c-ới lại vẫn ch-a phải là một việc làm phổ biến đối với tất cả các cặp vợ chồng.

Kết luận

Hôn nhân ngày nay đã có nhiều thay đổi. Sự thay đổi đó ngày càng diễn ra mạnh mẽ bởi sự chuyển đổi của nền kinh tế và quan niệm sống, sự phổ biến của các ph-ơng tiện thông tin đại chúng, cơ hội tiếp xúc và giao l-u ngày càng nhiều giữa các dân tộc và các vùng miền.

Qua nghiên cứu tại ba tỉnh Yên Bái, Thừa Thiên - Huế và Tiền Giang, chúng tôi nhận thấy sự thay đổi khá rõ đang diễn ra trên hầu khắp các vùng miền, các dân tộc và các lĩnh vực của đời sống hôn nhân: từ cách thức tìm hiểu nhau đến các lễ thức trong nghi lễ hôn nhân. Trong đó, từ mô hình “lục

lễ” ban đầu đã rút xuống còn “tam lễ”, và hiện nay còn đ- ọc một số gia đình rút gọn hơn nữa thành *tam lễ rút gọn* - tức lễ ăn hỏi và lễ c- ới. Nhiều ng- ời cho rằng, mô hình tam lễ rút gọn là mô hình tiến bộ, phản ánh lối sống công nghiệp và hiện đại (Mai Văn Hai, 2003, tr. 31 - 33).

So với hai tỉnh Tiền Giang và Thừa Thiên - Huế, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, quá trình c- trú xen kẽ giữa các dân tộc ở tỉnh Yên Bái là điều kiện thuận lợi cho hôn nhân hỗn hợp giữa các dân tộc. Đây là một thay đổi cơ bản trong hình thức và quan niệm hôn nhân của ng- ời dân, đồng thời góp phần làm giảm tính chất mua bán trong hôn nhân cũng nh- giảm bớt các thủ tục trong hôn nhân. Tại các điểm nghiên cứu ở tỉnh Tiền Giang và Thừa Thiên - Huế, các nghi lễ trong hôn nhân cũng đã đ- ọc đơn giản hoá để tiết kiệm thời gian, công sức và vật chất cho đôi vợ chồng trẻ và gia đình của họ cũng nh- phù hợp với điều kiện xã hội mới. Đây là xu h- ớng phát triển chung của xã hội, nh- ng cũng đang đặt ra vấn đề giữ gìn và bảo tồn những giá trị văn hoá truyền thống tộc ng- ời.

Tài liệu tham khảo

1. Angghen, F. (1972), *Nguồn gốc của gia đình của chế độ t- hữu và của Nhà n- ớc*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. Benlanger, Daniele; Khuất Thu Hồng (1995), “Một số biến đổi trong hôn nhân và gia đình ở Hà Nội trong những năm 1965 - 1992”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 4, tr. 27 - 41.
3. Đỗ Thuý Bình (1994), *Hôn nhân và gia đình các dân tộc Tày, Nùng và Thái ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Mai Văn Hai (2003), “Về sự biến đổi mô hình phong tục hôn nhân ở châu thổ sông Hồng qua mấy thập niên gần đây”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 2, tr. 31 - 32.
5. Phạm Quang Hoan (1993), “Vài suy nghĩ về hôn nhân và các gia đình của các dân tộc ở n- ớc ta hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 44 - 45.
6. Vũ Tuấn Huy (1995), “Những khía cạnh của sự biến đổi gia đình”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 4, tr. 13 - 26.
7. Trần Đình H- ợu (1991), “Về gia đình truyền thống Việt Nam với ảnh h- ớng Nho giáo”, trong: *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Hữu Minh (1999), “Quyền tự do lựa chọn bạn đời ở một số tỉnh ở Đồng bằng Sông Hồng: truyền thống và biến đổi”, *Tạp chí Xã hội học*, Số 1, tr. 28 - 39.
9. Đỗ Ngọc Tấn (chủ biên) (2004), *Hôn nhân gia đình các dân tộc Hmông, Dao ở hai tỉnh Lai Châu và Cao Bằng*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Thanh (2005), *Gia đình và hôn nhân của dân tộc M- ờng ở tỉnh Phú Thọ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Trần Ngọc Thêm (1994), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Quỳnh Trang (2002), *Phong tục cổ truyền Việt Nam*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.